TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23/5/2019
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Hồng Thúy Liễu**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Văn Thuận.**

2. Ông **La Thanh Hiền.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Hoàng Kim Anh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Phú Thái** – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 770/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Ngọc H**, sinh năm 1966 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà X, hẻm số Y, đường Z, ấp K, xã T, huyện H, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Ông **Dương Văn N**, sinh năm 1964 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà X, hẻm số Y, đường Z, ấp K, xã T, huyện H, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/12/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc H trình bày:***

Bà H và ông N chung sống vợ chồng với nhau vào năm 1984, trên cơ sở tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Ông bà sống chung hạnh phúc đến năm 1992 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông N không chung thủy, sống chung như vợ chồng với người phụ nữ khác, từ đó tình cảm vợ chồng rạn nứt. Đến năm 1993, bà H và ông N thống nhất ly hôn nên ông bà ký tên vào giấy viết tay ly dị ngày 27/6/1993 và

ông bà sống ly thân từ năm 1993 cho đến nay. Do đó, bà H yêu cầu được ly hôn với ông N.

Bà H và ông N chung sống có 02 người con là Dương Thùy L, sinh năm 1986 và Dương Hữu M, sinh năm 1988. Các con đều đã thành niên nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông bà không có tài sản chung và nợ chung nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn ông Dương Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.***

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành phát biểu ý kiến:***

Về thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt cả nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Bà H và ông N sống chung năm 1984, tuy ông bà không có đăng ký kết hôn nhưng đây là hôn nhân thực tế. Ông bà sống hạnh phúc đến năm 1992 thì phát sinh mâu thuẫn do không tin tưởng nhau về tình cảm. Năm 1993, ông bà có giấy tay thuận tình ly hôn và sống ly thân cho đến nay. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông N. Về con chung, ông bà có hai người con đều đã thành niên nên không đặt ra giải quyết. Tài sản chung và nợ chung không có nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn ông Dương Văn N vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà H và ông N là có căn cứ theo quy định tại các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc H và ông Dương Văn N tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 1984, không có đăng ký kết hôn. Mặc dù, ông bà không đăng ký kết hôn nhưng quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987 nên căn cứ theo quy định tại khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội thì đây là hôn nhân thực tế được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, ông bà sống hạnh phúc đến năm 1992 thì phát sinh mâu thuẫn do không tin tưởng nhau về tình cảm. Ngày 27/6/1993, bà H và ông N cùng ký tên thống nhất ly hôn vào giấy viết tay và ông bà sống ly thân cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau. Nay bà H yêu cầu được ly hôn với ông N. Nhận thấy, hôn nhân giữa bà H và ông N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của ông bà không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà H và ông N có hai người con là Dương Thùy L, sinh năm 1986 và Dương Hữu M, sinh năm 1988. Hiện tại, con chung đều đã thành niên, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Bà H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với những nhận định nêu trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Ngọc H đối với ông Dương Văn N.

Bà Trần Thị Ngọc H được ly hôn với ông Dương Văn N.

2. Về con chung: Bà H và ông N có hai người con là Dương Thùy L, sinh năm 1986 và Dương Hữu M, sinh năm 1988. Con chung đều đã thành niên, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà H trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0012669 ngày 05 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, ghi nhận bà H đã nộp xong án phí.

Án dân sự sơ thẩm xử công khai, báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Hòa Thành;
- Chi cục THADS huyện Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.